

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 40/2021/HS-ST

Ngày: 01-02-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng và bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Đức Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2021/TLST - HS, ngày 15 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Võ Văn T;** Tên gọi khác: Đùm; Giới tính: Nam; Sinh năm 1984; Tại: Thừa Thiên Huế.

Nơi cư trú hiện nay: Tổ dân phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Không.

Con ông: Võ Văn D, sinh năm: 1960; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1963; Bị cáo có vợ là Võ Thị Ánh S, sinh năm: 1984 (chưa đăng ký kết hôn); có 02 con, con lớn nhất sinh năm: 2017, con nhỏ nhất sinh năm: 2020. Hiện đều trú tại: Tổ dân phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

**Nhân thân:**

Ngày 10/6/2009, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột khởi tố về tội: Trộm cắp tài sản. Đến ngày 06/8/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự và Quyết định đình chỉ điều tra bị can (theo Nghị quyết 33/2009 QH 12 ngày 19/6/2009).

Ngày 04/11/2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, ra Quyết định về việc đưa vào cơ sở giáo dục tại Cơ sở giáo dục A1, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, thời hạn 24 tháng, về hành vi: Trộm cắp tài sản. Ngày 25/7/2015, chấp hành xong Quyết định hành chính về địa phương sinh sống.

Ngày 29/3/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng, về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 28/3/2019 chấp hành xong Quyết định hành chính, về địa phương sinh sống.

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 20/10/2020 đến ngày 29/10/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, cho đến nay. Có mặt.

**2. Họ và tên: Võ Thị Mỹ Th;** Tên gọi khác: Bum; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 24 tháng 3 năm 1986; Tại: Bình Định.

Nơi cư trú hiện nay: 03/6 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Buôn bán.

Con ông: Võ Văn L (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1963; Bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 20/10/2020 đến ngày 29/10/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, cho đến nay. Có mặt

***Người bị hại:***

1. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm: 1982 (Có mặt)

Cư trú tại: 273 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Lương Thị S, sinh năm: 1958 (Vắng mặt)

Cư trú tại: 11/21 Nguyễn Văn Cừ, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Võ Thị A, sinh năm: 1967 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Khu phố Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 02 giờ 30 phút sáng ngày 18/10/2020, Võ Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HUNDACPI, màu nâu, biển số 93M1-7431, phía sau chở Võ Thị Mỹ Th đi trên các tuyến đường trên địa bàn thành phố B, tìm kiếm tài sản của người dân để sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến quán cơm niêu K, địa chỉ số 61 đường T, phường T,

thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do chị Nguyễn Thị O (là quản lý của quán cơm niêu K) thì phát hiện bên hông góc tường của quán có để 04 chồng ghế bằng nhựa, màu đỏ, loại không có tựa lưng, cao 70cm, không có người trông coi nên Th đứng ngoài lề đường cảnh giới còn T đi vào quán K lén lút trộm cắp 88 chiếc ghế nhựa đem ra đưa cho Th bỏ lên xe mô tô, rồi T điều khiển xe mô tô chở Th ngồi sau giữ số ghế trộm cắp được tẩu thoát. Đến khoảng 06 giờ sáng cùng ngày, T và Th chở số ghế nhựa trộm cắp được đến bán cho bà Lương Thị S, được số tiền 880.000 đồng rồi chia nhau mỗi người 440.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra Võ Văn T tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu HUNDACPI, màu nâu, biển số 93M1-7431, số máy: 150FMG001456, số khung: GDPD8A001456 là phương tiện sử dụng phạm tội. Bà Lương Thị S tự nguyện giao nộp 88 chiếc ghế bằng nhựa màu đỏ, loại không có tựa lưng, cao 70cm là vật chứng của vụ án, cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 275/KLĐG ngày 27/11/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 88 cái ghế nhựa, màu đỏ, có 04 chân không có tựa lưng, in chữ Qui Phước, đã qua sử dụng; trị giá: 88 cái ghế x 25.000 đồng/cái = 2.200.000 đồng.

Bản cáo trạng số:57/CT-VKS TP.BMT ngày 14/01/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Võ Văn T và Võ Thị Mỹ Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột sau khi phân tích đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS tuyên bố các bị cáo Võ Văn T và Võ Thị Mỹ Th phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm b, h, i , s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Võ Văn T: từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Mỹ Th: từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

**Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả 88 chiếc ghế bằng nhựa màu đỏ, loại không có tựa lưng, cao 70cm cho chị Nguyễn Thị O là chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng và chị O không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Chấp nhận việc bị cáo Võ Văn T và Võ Thị Mỹ Th đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà Lương Thị Sơn, số tiền 880.000 đồng (số tiền bà Sơn mua 88 chiếc ghế nhựa).

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trao trả 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HUNDACPI, màu nâu, biển số 93M1-7431, số máy: 150FMG001456, số khung: GDPD8A001456 cho bà Võ Thị A là chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo Võ Văn T và Võ Thị Mỹ Th tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở xác định:

Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác 02 giờ 30 phút sáng ngày 18/10/2020, tại quán cơm niêu K, địa chỉ số 61 đường T, phường T, thành phố B, Võ Văn T và Võ Thị Mỹ Th đã lén lút trộm cắp: 88 chiếc ghế bằng nhựa, của chị Nguyễn Thị O; trị giá: 2.200.000 đồng.

Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo Võ Văn T và Võ Thị Mỹ Th về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

#### **Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”*

[3] Xét thấy, các bị cáo là công dân có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, các bị cáo biết rằng tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều sẽ bị pháp luật trừng trị. Song do lòng

lao động, tham lam tư lợi nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4]. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên nhân thân của các bị cáo khác nhau nên mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là khác nhau. Bị cáo Võ Văn T là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và là người có nhân thân xấu nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo Th là phù hợp.

Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng khi lượng hình để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo Võ Thị Mỹ Th phạm tội với nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng thêm khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, Điều 47 Bộ Luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Quá trình điều tra xác định: 88 chiếc ghế bằng nhựa màu đỏ, loại không có tựa lưng, cao 70cm, là tài sản của chị Nguyễn Thị O. Ngày 18/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho chị Nguyễn Thị O là chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng và chị O không yêu cầu bồi thường gì thêm là phù hợp cần chấp nhận.

Quá trình điều tra Võ Văn T và Võ Thị Mỹ Th đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà Lương Thị S, số tiền 880.000 đồng (số tiền bà Sơn mua 88 chiếc ghế nhựa) là phù hợp cần chấp nhận.

Quá trình điều tra Võ Văn T tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu HUNDACPI, màu nâu, biển số 93M1-7431, số máy: 150FMG001456, số khung: GDPD8A001456 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Võ Thị A, bà A không biết việc bị cáo T sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trao trả chiếc xe trên cho bà A nhận quản lý, sử dụng là phù hợp cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Võ Văn T và Võ Thị Mỹ Th phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn T: 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/10/2020 đến ngày 29/10/2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Mỹ Th: 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Võ Thị Mỹ Th cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

[2] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, Điều 47 Bộ Luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả 88 chiếc ghế bằng nhựa màu đỏ, loại không có tựa lưng, cao 70cm, cho chị Nguyễn Thị O.

Chấp nhận việc Võ Văn T và Võ Thị Mỹ Th đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà Lương Thị S, số tiền 880.000 đồng (số tiền bà S mua 88 chiếc ghế nhựa).

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trao trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu HUNDACPI, màu nâu, biển số 93M1-7431, số máy: 150FMG001456, số khung: GDPD8A001456 trên cho bà Võ Thị A nhận quản lý, sử dụng.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Võ Văn T và Võ Thị Mỹ Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm;

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận :**

- TAND tối cao; TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, VKSND TP.BMT;
- Công an TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- THA phạt tù( để thi hành) ;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Minh Nguyệt**































































































































































































































































































































































































